

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng  
đất và bồi thường thiệt hại ngoài  
hợp đồng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Hùng Hạnh;

Ông Phạm Tiên Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị P, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- *Bị đơn:*

1. Ông Cao Văn B, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

2. Anh Cao Văn B1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Văn L, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

2. Dòng họ Cao danh; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện: Ông Cao Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: D A, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; “vắng mặt”.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Cao Đăng S; sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Ông Cao Xuân T1, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

3. Bà Cao Thị V, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm H xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2023, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Cao Thị P trình bày: Vợ chồng bà được bố chồng là cụ Cao Danh T2 cho đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008. Năm 2022, gia đình bà đi làm xa, ông Cao Văn B và anh Cao Văn B1 đã tự ý đến tháo dỡ dậu nhà bà đưa máy móc thợ vào làm nhà thờ cao D xâm phạm đến đất nhà bà cụ thể xây tường dậu sâu 3,8 m dài khoảng 8m, làm hỏng bể nước trị giá 20.000.000, chặt toàn bộ cây ăn quả và cây cảnh trong vườn trị giá 10.000.000 đồng; Ngoài ra, ông B1 còn đăng các tin liên quan đến vợ chồng bà lên mạng xã hội với tên là Cao Văn B1 để làm ảnh hưởng đến danh dự uy tín của gia đình bà.

Nay bà chỉ khởi kiện ông Cao Văn B và ông Cao Văn B1 mặc dù biết đất đang do dòng họ quản lý, bà đề nghị Tòa án buộc ông B1, ông B trả lại diện tích đã lấn chiếm của nhà bà với chiều rộng là 3,8m, chiều dài là 8m, diện tích là 30,4 m<sup>2</sup> (kết quả khảo sát là 35 m<sup>2</sup>); Buộc ông B1, ông B phải bồi thường cho vợ chồng bà 30.000.000 đồng do làm hư hỏng công trình, cây cối trong vườn. Buộc ông B1 gỡ các bài đăng liên quan tới vợ chồng bà trên mạng xã hội mang tên Cao Văn B1 và xin lỗi vợ chồng bà. Việc dòng họ nhận bồi thường bà không đồng ý vì bà khởi kiện ông B và ông B1 nên ông B và ông B1 phải có trách nhiệm bồi thường.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2023, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Cao Văn B trình bày: Ngày 25 tháng 01 năm 2022,

dòng họ có tổ chức cuộc họp gồm tất cả trai họ trong đó có anh **L** nhất trí xây dựng lại ngôi từ đường trên nền đất nhà thờ cũ và khuôn viên sân đậu cũ của dòng họ đã xây dựng từ năm 1998. Ngày 16/4/2022, khởi công xây dựng; mọi công việc được cả dòng họ bàn bạc thống nhất mới đi vào xây dựng. Vợ chồng bà **P** thi thoảng vẫn có mặt tại công trình và tham gia xây dựng cùng dòng họ. Các ông không xây dựng lấn chiếm diện tích nhà bà **P** vì toàn bộ diện tích đất xây dựng từ đường là đất của cha ông để lại và chính bố chồng chị **P** xây từ năm 1998 về trước.

Từ tháng 3/2022, ông bị bệnh u não tuyến yên, đi mổ lại tại **bệnh viện A**, sức khỏe có hạn nên ông không tham gia công việc xây dựng từ đường, chỉ tới thăm hỏi động viên thợ; Còn khi xây dựng xong, dòng họ đã làm lại đậu, đổ lại ngõ vào cho gia đình bà **P**; do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **P**.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2023, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông **Cao Văn B1** trình bày: Vào đầu năm 2022 dòng họ Cao danh **thôn T xã G** có họp bàn tổ chức thống nhất xây dựng lại ngôi từ đường dòng họ trên đất nhà thờ cũ bản thân ông là thành viên của dòng họ và được dòng họ bầu vào ban xây dựng của dòng họ để phục vụ công việc kiến thiết lại nhà thờ tổ. Trong thời gian bắt đầu khởi công xây dựng đã được thông báo tới toàn thể trai dậu gái rể của dòng họ về việc xây lại nhà thờ trong đó có gia đình nhà ông **Cao Văn L** là trai của dòng họ. Và hiện tại gia đình nhà ông **L** có sinh sống tiếp giáp với nhà thờ tổ khi xây dựng để có đường và xe cộ chở vật liệu vào nhà thờ ban kiến thiết đã hỏi và được sự đồng ý của gia đình ông **L** để thuận tiện cho việc xây dựng và sẽ rở bỏ bờ đậu cao khoảng 25cm để xe chở vật liệu đi qua và dòng họ sẽ xây dựng lại cái đậu đó sau khi xong. Đến thời điểm dựng nhà gỗ nhà thờ có số lượng gỗ rất lớn nên mặt bằng chứa do chật hẹp nên đã để nhờ nên sân nhà ông **L**, một số gỗ nhỏ có để trên mặt bê, sau khi lắp đặt gỗ xong dòng họ đã dọn dẹp sạch sẽ khu vực nhà ông **L** và không có xảy ra hư hỏng gì đến tài sản nhà ông **L** mọi thứ vẫn nguyên vẹn, do ông **L** không có ở nhà nên việc trao đổi đều không được thường xuyên, có trao đổi nhưng chỉ có 1 đến hai lần. Còn về ranh giới đất đai thì dòng họ và bản thân ông đều làm theo hiện trạng nhà thờ cũ đã có kể cả sân, vườn đậu nhà thờ vẫn xây trên nền cũ không có lấn chiếm hay tranh chấp gì với gia đình ông **L**. Bà **P** bảo ông đăng thông tin gia đình ông **L** nên mạng xã hội là không đúng, ông chỉ có những tin nhắn trên nhóm zalo của dòng họ và công khai toàn thể trai họ trong đó có ông **L** là thành viên nhóm và tất cả những tin nhắn đó đều là quan điểm ý kiến của bản thân ông về việc xây dựng nhà thờ. **Nay bà P khởi kiện ông không nhất trí.**

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông **Cao Văn L** trình bày: Ông là chồng của bà **Cao Thị P**, nguồn gốc thừa đất vợ chồng ông đang sử dụng của bố đẻ ông là cụ **T2** để lại. Nay ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **P**; buộc ông **B1**, ông **B** **trả lại diện tích**

đã **lấn chiếm** và bồi thường cho vợ chồng ông 30.000.000 đồng do làm hư hỏng công trình, cây cối trong vườn. Buộc ông **B1** gỡ các bài đăng liên quan tới vợ chồng ông trên mạng xã hội và xin lỗi vợ chồng ông.

Người làm chứng là ông **Cao Đăng S** trình bày: Ông là thành viên trong dòng họ **C**. Khuôn viên nhà thờ được xây dựng từ năm 1956. Khuôn viên tường rào, bờ ao do dòng họ xây dựng năm 2004 trước khi cụ **T2** mất. Nguồn gốc đất là của cụ **T2** cho dòng họ để xây dựng bờ dậu và bờ ao. Để cảm ơn sự hiến đất của cụ **T2** một thành viên trong dòng họ đã cảm ơn cụ **T2** với số tiền là 3.000.000 đồng. Việc cụ **T2** cho đất dòng họ Cao Danh chỉ nói miệng không có văn bản gì, không hiểu lý do gì khi vợ chồng ông **L** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cấp cả phần diện tích mà cụ **T2** đã cho dòng họ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là dòng họ Cao Danh người đại diện là ông **Cao Xuân T1** trình bày: Dòng họ xây nhà thờ tổ trên khuôn viên nhà thờ cũ trước đây. Trước khi xây dựng, đều có sự bàn bạc thống nhất của các thành viên trong dòng họ trong đó có vợ chồng bà **P** và vợ chồng bà **P** không có ý kiến gì. Ông không trực tiếp ở nhà tham gia xây dựng cùng mọi người nhưng đều nắm bắt được tiến độ xây dựng, thời gian hoàn thành. Khi xây dựng xong đã làm lại dậu và ngõ đi cho gia đình bà **P**. Việc xây dựng có ban kiết thiết gồm 12 thành viên trong đó có ông **B**, ông **B1**, những người này không làm ảnh hưởng gì tới gia đình bà **P**, mọi việc làm đều có sự thống nhất và làm cho dòng họ. Nay dòng họ nhận hỗ trợ cho gia đình chị **P** theo kết quả định giá tài sản. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị **P** không đồng ý với việc nhận bồi thường của dòng họ thì dòng họ cũng không bồi thường nữa.

Tại biên bản lấy lời khai và tại các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà **Cao Thị V** trình bày: Năm 2003 bố đẻ bà là ông **Cao Danh T2** có cho bà 200m<sup>2</sup> đất và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà có làm giấy hiến tặng cho nhà thờ Cao Danh ngang 2m, chiều dài hết đất nhà thờ nhưng khi nhà thờ xây dựng lại xây thành 3,7m ngang diện tích nhà thờ Cao danh đã xây vượt mức bà cúng tiến, bà không có ý kiến gì bà để cho nhà thờ tiếp tục sử dụng. Nguồn gốc đất là bố mẹ bà cho bà trước khi bà lấy ông **Cao Thế T3** nên không liên quan đến chồng bà. Nay bà **P** khởi kiện ông **Cao Văn B** và ông **Cao Văn B1** bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông **Cao Danh T4** trình bày: Bố ông là cụ **Cao Danh T2** khi bố ông còn sống bố ông có tiến cúng cho dòng họ Cao Danh toàn bộ khu vườn trước nhà thờ và ao, việc bố ông cho đất dòng họ chỉ nói miệng không có văn bản gì khi ông **Cao Văn L** được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông cũng không biết diện tích đất bố ông đã hiến tặng cho dòng họ Cao Danh lại được cấp cả vào giấy chứng nhận của vợ chồng ông **Cao Văn L** và bà **Cao Thị P**. Nay bà **P** khởi kiện ông không

nhất trí.

Tại biên bản làm việc với địa phương **xã G** cung cấp như sau:

Tại bản đồ 299 lập năm 1987 từ bản đồ số 2a thể hiện đất của ông **T2** có hai thửa: Thửa 101 diện tích 1800m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 360m<sup>2</sup>, đất vườn là 1190m<sup>2</sup>, đất ao là 300m<sup>2</sup>. Thửa 102 diện tích là 850m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 260m<sup>2</sup>, đất vườn là 590m<sup>2</sup>. Tại bản đồ 299 đã thể hiện đất của nhà thờ.

Tại bản đồ lập năm 1997 thể hiện: Thửa 56 từ bản đồ 2a đất ông **T2** có diện tích là 1678m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 165m<sup>2</sup>, đất vườn là 1193m<sup>2</sup>, đất ao là 139m<sup>2</sup>. Thửa 57 từ bản đồ 2a đất dòng họ có diện tích là 163m<sup>2</sup>. Đất ông Ý con ông **T2** diện tích là 580m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 128m<sup>2</sup>, đất vườn là 322m<sup>2</sup>, đất ao là 130m<sup>2</sup>.

Tại bản đồ lập năm 2003 thể hiện: Thửa 56 đất của ông **T2** diện tích 780m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư 235m<sup>2</sup>, đất vườn 195m<sup>2</sup>, đất ao là 150m<sup>2</sup>. Thửa 225 đất ông **T4** diện tích là 560m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 150m<sup>2</sup>, đất vườn là 210m<sup>2</sup>, đất ao là 200m<sup>2</sup>. Thửa 57 đất của dòng họ Cao diện tích là 360m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 155m<sup>2</sup>, đất vườn là 205m<sup>2</sup>. Thửa 211 đất ông **S1** diện tích 530m<sup>2</sup> đất hai lúa. Đất của bà **V** diện tích 200m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 60m<sup>2</sup>, đất vườn là 140m<sup>2</sup>.

Kết quả xem xét thẩm định và định giá như sau:

Thửa đất số 56, từ bản đồ số 2a mang tên ông **Cao Văn L** và bà **Cao Thị P**: Phía Đông giáp từ đường họ Cao, thổ bà **V** và thổ bà **T5**; phía Tây giáp thổ ông **T4**; phía Nam giáp đường; phía Bắc giáp thổ ông **T6**. Thửa đất số 57 từ bản đồ 2a do dòng họ Cao Danh quản lý: Phía Đông giáp đất hai lúa; phía Tây giáp ngõ đi chung; phía Nam giáp thổ ông **S2**, ông **T7**; phía Bắc giáp thổ bà **V**.

Sân lát gạch đỏ trước nhà thờ trị giá 2.304.000đồng; **T8** dậu xây gạch dọc nhà thờ trị giá 1.558.000 đồng; **L1** đi lát gạch đỏ trị giá 2.334.720 đồng; Bể nước trị giá 2.000.000 đồng; Cây trồng có trị giá là 683.000 đồng; giá trị quyền sử dụng đất là: 4.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác định người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 584 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



[1] Bà **Cao Thị V**, ông **Cao Đăng S** đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thửa đất số 56, tờ bản đồ 2a của hộ ông **Cao Văn L** và bà **Cao Thị P** được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 với diện tích là 580m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 235m<sup>2</sup>, đất vườn là 195m<sup>2</sup> và đất ao là 150m<sup>2</sup> nguồn gốc đất là do bố mẹ chồng bà **P** cho. Trong quá trình sử dụng bà **P** đã cho rằng khi xây dựng lại nhà thờ của dòng họ Cao Danh ông **Cao Văn B** và ông **Cao Văn B1** đã xây dựng lấn chiếm sang đất của nhà bà.

[3] Thửa đất số 57, tờ bản đồ 2a của dòng họ Cao diện tích là 360m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 155m<sup>2</sup>, đất vườn là 205m<sup>2</sup> chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất của dòng họ **Cao D1** đã được thể hiện trên bản đồ 299, bản đồ năm 1997 và bản đồ 2003. Từ trước đến thời kỳ cụ **Cao Danh T2** còn sống dòng họ Cao Danh quản lý sử dụng không xảy ra tranh chấp với ai.

[4] Bà **Cao Thị P** yêu cầu Tòa án buộc ông **Cao Văn B1**, ông **Cao Văn B** phải trả lại diện tích đã lấn chiếm 35 m<sup>2</sup> (theo kết quả khảo sát thực địa) và buộc ông **B1**, ông **B** phải bồi thường cho vợ chồng bà 30.000.000 đồng do làm hư hỏng công trình, cây cối trong vườn.

Ông **B1** và ông **B** là thành viên của dòng họ Cao danh và nằm trong ban kiến thiết xây dựng. Ông **B**, anh **B1** thực hiện công việc theo chủ trương của Ban kiến thiết xây dựng, thống nhất của dòng họ, không mang tính chất cá nhân. Mặc dù đã được Tòa án đã giải thích về đối tượng bị kiện, bà **P** biết đây là đất từ đường do dòng họ Cao Danh quản lý nhưng bà **Cao Thị P** vẫn giữ nguyên quan điểm kiện ông **Cao Văn B** và anh **Cao Văn B1** về việc trả lại đất là không đúng đối tượng nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu buộc ông **Cao Văn B1** gỡ bài đăng liên quan tới vợ chồng bà trên mạng xã hội và buộc ông **B1** phải xin lỗi vợ chồng bà: Những tài liệu bà **P** cung cấp chỉ là những bài đăng của ông **B1** trên trang Facebook cá nhân, trên nhóm Zalo chung của dòng họ; xét thấy đây là những quan điểm cá nhân của ông **B1** về các nội dung liên quan đến việc xây dựng từ đường, không nhằm xâm phạm, ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín và gây thiệt hại gì cho gia đình bà **P**; ngoài ra bà **P** không đưa ra được các căn cứ khác chứng cứ chứng minh nên yêu cầu của bà **Cao Thị P** không có cơ sở chấp nhận.

[6] Trong quá trình xây dựng lại ngôi từ đường của dòng họ Cao Danh có làm ảnh hưởng một số công trình, cây cối của nhà bà **P**; dòng họ đã sửa chữa, làm lại một phần. Theo kết quả của hội đồng định giá là: Sân lát gạch đỏ trước nhà thờ: 2.304.000 đồng; **T8** dậu xây gạch dọc nhà thờ: 1.558.000đồng; **L1** đi lát gạch đỏ: 2.334.720 đồng; Bể nước: 2.000.000 đồng; Cây trồng: 683.000 đồng, tổng là

8.879.729 đồng. Tại phiên tòa, bà P ý vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông B và ông B1 bồi thường. Việc làm của ông B, ông B1 là làm cho dòng họ không phải làm cho cá nhân, mặc dù tại phiên tòa đại diện dòng họ Cao danh nhận bồi thường nhưng bà P không đồng ý do đó không có căn cứ buộc ông B và ông B1 phải bồi thường cho bà P.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí.

[8] Về chi phí tố tụng: Bà P là người nộp lệ phí xem xét thẩm định và định giá, bà P không đề nghị xem xét nên không giải quyết.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 584 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị P phải nộp 8.500.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng, bà Cao Thị P đã nộp tại biên lai thu số 0004436 ngày 17-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định nay đối trừ; bà P phải nộp 7.000.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Hiền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Vũ Hùng Hạnh      Phạm Tiến  
Dũng**

**Trần Thị Thu Hiền**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Hiền**

